

Số: /GCN-SXD

An Giang, ngày tháng 9 năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Xét hồ sơ của Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Bình Phú Hưng về nội dung đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Bình Phú Hưng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1702121871, ngày cấp: ngày 26/3/2025, cơ quan cấp: Sở Tài chính tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Số 25/5 đường Tô Hiến Thành, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 0382478727 Fax: Email:

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm và Kiểm định xây dựng.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 25/5 đường Tô Hiến Thành, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: LAS-XD ANG.002

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH MTV TVXD Bình Phú Hưng;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Trung tâm PVHCC;
- BGĐ Sở Xây dựng;
- Website của Sở Xây dựng;
- Lưu VT, QLCLCT, đtai.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Cường

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD ANG.002
*(Kèm theo Giấy chứng nhận số /GCN-SXD ngày tháng năm 2025 của
 Sở Xây dựng tỉnh An Giang)*

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy, chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012
4	Xác định thành phần hạt của đất	TCVN 4198:2014
5	Xác định sức chống cắt ở máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
7	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
8	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
9	Xác định chỉ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
10	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất, nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
11	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020 TCVN 8729:2012
12	Xác định độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012
13	Đầm nén Proctor cho đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông	TCVN 12790:2020
14	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
15	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Belkenman	TCVN 8867:2011
16	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3,0 mét	TCVN 8864:2011
17	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
18	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351:2012
19	Thí nghiệm kiểm tra sức chịu tải cọc bằng phương pháp sử dụng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
20	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023
21	Xác định thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015

	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
22	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006
23	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
24	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006
25	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
26	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
27	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
28	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
29	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
30	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
31	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
32	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
33	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
34	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022
35	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
36	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
37	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
38	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
39	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
40	Xác định thành phần cấp phối vữa	TCVN 10796:2015
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐẤT SÉT NUNG	
41	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ rỗng; Xác định vết tróc do vôi.	TCVN 6355:2009
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ	
42	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Xác định kính thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt; Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô; Xác định độ co khô	TCVN 9030:2017

43	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
44	Xác định kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định độ rỗng; Xác định độ hút nước; Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERAZO	
45	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
46	Xác định kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999

Ghi chú: (*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.